

Số: 05/2022/QĐST - HNGĐ

Vĩnh Cửu, ngày 20 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 21/2022/VHNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022, về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Bà Lương Thị Tuyết M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 1599, tổ 5, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 4/15, hẻm 4, đường S, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Lương Thị Tuyết M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/2017 ngày 29/12/2017. Quá trình chung sống vợ chồng ông, bà chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, không còn tình cảm cũng như không có tiếng nói chung với nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông T, bà M làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông T, bà M có 01 người con chung là cháu Lê Trung H1, sinh ngày 24/7/2018. Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao cháu H1 cho bà M là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu

đồng), thời gian bắt đầu từ tháng 01/2022 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà M thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Ông T, bà M mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng bà M đã nộp tại biên lai thu số 0004001 ngày 12/01/2022 và 150.000 đồng ông T đã nộp tại biên lai thu số 0004000 ngày 12/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông T, bà M đã nộp đủ lệ phí ly hôn.

[5]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Tuyết M và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con tên Lê Trung H1, sinh ngày 24/7/2018 cho bà Lương Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), thời gian bắt đầu từ tháng 01/2022 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Ông T, bà M mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng bà M đã nộp tại biên lai thu số 0004001 ngày 12/01/2022 và

150.000 đồng ông T đã nộp tại biên lai thu số 0004000 ngày 12/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông T, bà M đã nộp đủ lệ phí ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- (Giấy CNKH số 84/2017 ngày 29/12/2017);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lưu Trung Chiến